

QUYẾT TÂM TÁI CẤU TRÚC THÀNH CÔNG HỆ THỐNG NGÂN HÀNG GIAI ĐOẠN 2011 – 2015

ThS. Nguyễn Hữu Nghĩa

BỐI CẢNH KINH TẾ

Chặng đường 25 năm đổi mới đã qua tạo thế và lực đưa đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới. Việt Nam đã thoát khỏi tình trạng đói nghèo, kém phát triển và trở thành quốc gia có mức thu nhập trung bình. Đây là bằng chứng thuyết phục nhất về những nỗ lực và thành tựu đạt được của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng thực hiện công cuộc đổi mới và phát triển toàn diện từ năm 1986. Điều này cũng cho thấy sự lựa chọn con đường đổi mới, chính sách phát triển và tư duy lãnh đạo của Đảng về kinh tế là hoàn toàn đúng đắn. Đất nước đang đứng trước vận mệnh to lớn với nhiều cơ hội nhưng cũng không ít thách thức cho thực hiện mục tiêu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vì “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” như đã nêu tại Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) và phấn đấu đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp như đã đề ra trong Chiến lược Phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020. Mục tiêu phát triển này là hoàn toàn đúng đắn và phù hợp với khát vọng chính đáng của dân tộc ta đã đấu tranh, lao động và cống hiến không ngừng nghỉ.

Nền kinh tế đã thực sự thay đổi về diện mạo, tầm vóc và cả về chất. Trong 25 năm qua, nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng nhanh (bình quân 7%/năm) nhờ phát huy nội lực, tháo gỡ các nút thắt, giải phóng năng lực sản xuất kết hợp với sức mạnh thời đại thông qua tích cực hội nhập quốc tế và tận dụng ngoại lực cho phát triển. Nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhưng tăng trưởng chủ yếu theo chiều rộng, dựa vào vốn, lao động và tài nguyên, do đó

chất lượng, hiệu quả tăng trưởng kinh tế thấp, sức cạnh tranh của nền kinh tế chậm được cải thiện.

Mặt trái của tăng trưởng nhanh, kém hiệu quả và không bền vững của nền kinh tế thị trường ở giai đoạn phát triển ban đầu là sự cạn kiệt dần về tài nguyên, môi trường ô nhiễm, khoảng cách chênh lệch giàu nghèo giữa các nhóm đối tượng và vùng, miền gia tăng, kinh tế vĩ mô tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn. Trong một thế giới toàn cầu hóa sâu sắc mà các quốc gia ngày càng phụ thuộc lẫn nhau và đang biến đổi rất nhanh, phức tạp và khó lường, thì nền tảng vững chắc cho phát triển quốc gia chính là các yếu tố nội sinh và năng lực thể chế của nền kinh tế - lựa chọn mô hình và con đường phát triển phù hợp sẽ tạo ra sự khác biệt giữa các quốc gia. Do đó, Đảng và Chính phủ đã quyết tâm phải cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh, trong đó lấy 3 lĩnh vực làm then chốt: Cơ cấu lại đầu tư mà trọng tâm là đầu tư công; cơ cấu lại doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, trong đó trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước; cơ cấu lại thị trường tài chính mà trọng tâm là tái cơ cấu hệ thống ngân hàng, các tổ chức tài chính.

THỰC TRẠNG HỆ THỐNG CÁC TCTD

Trong những năm qua, các tổ chức tín dụng (TCTD) Việt Nam đã đạt nhiều được nhiều thành tựu quan trọng góp phần thúc đẩy tiến trình đổi mới và phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Sự an toàn, ổn định của hệ thống các TCTD đóng vai trò quyết định đối với sự ổn định hệ thống tài chính và là một trong những yếu tố quan trọng ổn định kinh tế vĩ mô. Các TCTD động viên và cung cấp một khối lượng vốn tín dụng to lớn cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thúc đẩy đầu tư, tăng trưởng kinh tế nhanh, tạo công ăn việc làm và góp phần xóa đói, giảm nghèo, thực hiện các

chính sách xã hội của Nhà nước. Đồng thời, ngân hàng cũng là một trong những ngành đi tiên phong về mở cửa thị trường và hội nhập quốc tế.

Hệ thống ngân hàng 2 cấp với sự đa dạng về quy mô, sở hữu, loại hình TCTD đã được hình thành và vận hành tốt theo cơ chế thị trường trong khuôn khổ pháp lý ngày càng được hoàn thiện hơn. Số lượng các TCTD tăng lên nhanh chóng và đến nay, hệ thống các TCTD bao gồm: 1 ngân hàng phát triển, 1 ngân hàng chính sách xã hội, 5 NHTM Nhà nước sở hữu 100% vốn hoặc cổ phần chi phối (sau đây gọi là NHTMNN), 37 ngân hàng thương mại cổ phần (NHTMCP), 54 chi nhánh ngân hàng nước ngoài, 5 ngân hàng 100% vốn nước ngoài, 4 ngân hàng liên doanh, 17 công ty tài chính, 12 công ty cho thuê tài chính, 1 QTDND Trung ương, 1.087 QTDND cơ sở và 1 tổ chức tài chính vi mô. Sự tồn tại của nhiều loại hình TCTD với các quy mô khác nhau đã tạo điều kiện đáp ứng nhu cầu đa dạng của nền kinh tế về dịch vụ ngân hàng. Đặc điểm đa dạng của hệ thống các TCTD phù hợp với đặc điểm của nền kinh tế đang chuyển đổi tồn tại nhiều thành phần kinh tế, đa sở hữu, đa ngành nghề và nhiều nhóm đối tượng khác nhau. Nói cách khác, tính đa dạng của nền kinh tế trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội quy định tính đa dạng của hệ thống các TCTD Việt Nam.

Năng lực tài chính và quy mô hoạt động của các TCTD tăng nhanh; tín dụng ngân hàng trở thành nguồn vốn quan trọng cho hệ thống doanh nghiệp và nền kinh tế. Tổng dư nợ tín dụng của các TCTD cho nền kinh tế tăng trưởng bình quân 29,4%/năm trong giai đoạn 2000 - 2010 và đến cuối năm 2010, tương đương khoảng 116% GDP. Hàng ngàn tỷ đồng vốn tín dụng ngân hàng được đầu tư cho phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Năng lực cạnh tranh và cung ứng dịch vụ ngân hàng ngày càng được cải thiện, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của nền kinh tế. Hệ thống công nghệ và quản trị

ngân hàng đang từng bước được đổi mới, hiện đại hóa theo các thông lệ, chuẩn mực quốc tế. Nhiều dịch vụ ngân hàng hiện đại đã triển khai và ngày càng phổ thông như thẻ thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử, kinh doanh ngoại tệ, nghiệp vụ ngân hàng đầu tư,... Mạng lưới ngân hàng mở rộng hơn trong cả nước đã tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận thuận lợi hơn tới các dịch vụ ngân hàng. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với hơn 2.300 chi nhánh trên khắp các địa phương và hệ thống 1.085 QTDND ở 56 tỉnh, thành phố đã trở thành lực lượng chủ đạo cung cấp vốn và dịch vụ ngân hàng ở khu vực nông thôn.

Kể từ khi Việt Nam đẩy mạnh mở cửa và hội nhập quốc tế thì cũng là lúc nền kinh tế và hệ thống tài chính toàn cầu và trong khu vực diễn biến hết sức phức tạp, tác động lớn đến kinh tế và hệ thống tài chính trong nước. Cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á năm 1997 - 1998 và cuộc khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu năm 2008 - 2009 gây đổ vỡ hàng loạt các định chế tài chính, ngân hàng đẩy kinh tế khu vực và kinh tế thế giới vào suy thoái. Tuy nhiên, hệ thống các TCTD Việt Nam đã vượt qua những tác động bất lợi của các cú sốc đó, đồng thời vẫn bảo đảm giữ vững sự ổn định, an toàn của hệ thống để góp phần quan trọng vào việc ổn định kinh tế vĩ mô, hệ thống tài chính quốc gia và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Điều này khẳng định quá trình đổi mới và phát triển trong thời gian qua đã tạo ra thế và lực mạnh hơn cho hệ thống các TCTD, đồng thời, các chính sách quản lý hệ thống các TCTD của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) là tương đối hợp lý và có hiệu quả.

Cùng với sự phát triển nhanh về quy mô, các TCTD hiện nay đang tiềm ẩn những yếu kém, rủi ro nhất định. Hệ thống các TCTD tiềm ẩn rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản khá cao, tính ổn định, hiệu quả hoạt động và khả năng cạnh tranh chưa cao. Chất lượng tín dụng còn thấp. Mặc dù tỷ lệ nợ xấu so tổng dư nợ đối với nền kinh tế ở mức trên 3% theo quy định phân loại nợ

của Việt Nam nhưng con số này thực tế có thể còn cao hơn do nhiều TCTD chưa thực hiện đúng phân loại nợ. Nếu thực hiện phân loại nợ theo chuẩn mực quốc tế thì tỷ lệ nợ xấu của hệ thống ngân hàng Việt Nam còn cao hơn nữa (theo Fitch Rating là 13%). Hiện nay, một khối lượng không nhỏ tín dụng được đầu tư vào bất động sản trong khi thị trường bất động sản sụt giảm mạnh và chưa có khả năng phục hồi trong ngắn hạn do Chính phủ kiên quyết chống lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô trong năm 2012. Do đó, nguy cơ nợ xấu tiếp tục tăng sẽ tác động không nhỏ đến khả năng thanh khoản và kết quả kinh doanh của một số các TCTD có liên quan chặt chẽ đến bất động sản (đầu tư bất động sản, nhận tài sản bảo đảm bằng bất động sản cho các khoản tín dụng, cấp tín dụng cho các ngành xây dựng). **Nhóm lợi ích và sở hữu chéo giữa các TCTD lớn làm cho tính lệ thuộc lẫn nhau giữa các TCTD và rủi ro hệ thống cao.** Sự đan xen sở hữu vốn TCTD này với TCTD khác dẫn đến không chỉ vấn đề vốn điều lệ tăng không thực chất mà còn giảm hiệu quả quản trị ngân hàng, gia tăng xung đột lợi ích, đồng thời làm cho rủi ro có tính hệ thống lớn hơn khi TCTD hoặc cổ đông lớn của TCTD gặp khó khăn thì sẽ ảnh hưởng tới không chỉ một TCTD.

Năng lực quản trị của các TCTD còn nhiều bất cập so với quy mô, tốc độ tăng trưởng và mức độ rủi ro trong hoạt động. Chiến lược kinh doanh của nhiều TCTD thiên về hướng phát triển theo chiều rộng hơn là chiều sâu, chủ yếu tăng trưởng nhanh về quy mô và tập trung vào các lĩnh vực có mức độ rủi ro cao để tạo lợi nhuận lớn hơn. Hệ thống quản trị, nhất là hệ thống quản trị rủi ro, hệ thống kiểm tra, kiểm soát và kiểm toán nội bộ của các TCTD hoạt động chưa có hiệu quả và chưa phù hợp với thông lệ, chuẩn mực quốc tế. Chính sách, quy trình kinh doanh của các TCTD nhìn chung còn hạn chế dẫn đến chưa kiểm soát có hiệu quả những rủi ro trọng yếu trong hoạt động. Ý thức chấp hành pháp luật của các TCTD chưa cao.

Năng lực cạnh tranh của các TCTD Việt Nam còn hạn chế. Thiếu các NHTM có quy mô lớn và có khả năng cạnh tranh tầm khu vực. Cạnh tranh giữa các TCTD chưa lành mạnh, thiếu sự hợp tác giữa các TCTD dẫn đến kỷ cương, kỷ luật, chính sách, pháp luật trong hoạt động ngân hàng chưa được chấp hành triệt để. Mục tiêu chạy theo lợi nhuận đã lấn át yêu cầu bảo đảm an toàn kinh doanh của các TCTD và dẫn tới vi phạm quy định pháp luật về hoạt động ngân hàng khá phổ biến. Phương thức cạnh tranh chủ yếu của các TCTD Việt Nam là bằng giá/lãi suất, chưa coi trọng chất lượng dịch vụ. Cùng với năng lực quản trị yếu kém, đạo đức kinh doanh ngân hàng chưa cao làm gia tăng mức độ rủi ro hoạt động và vi phạm pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng. Cạnh tranh trong lĩnh vực ngân hàng có nơi, có lúc trở nên quá mức, không có trật tự, kỷ cương gây nhiều khó khăn cho công tác quản lý nhà nước, gia tăng rủi ro và gian lận trong hoạt động ngân hàng.

Các NHTMNN là nòng cốt trong hệ thống nhưng phát triển còn chậm, chưa bảo đảm vai trò chủ đạo, chủ lực của hệ thống các TCTD và trở thành công cụ đắc lực của Nhà nước trong việc điều tiết và bình ổn thị trường tiền tệ theo định hướng, mục tiêu của Chính phủ trong từng thời kỳ.

Một số NHTM mở rộng hoạt động sang lĩnh vực phi ngân hàng như thành lập các công ty chứng khoán, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, bảo hiểm, vãng không đem lại hiệu quả cao và làm tăng rủi ro cho NHTM, đồng thời gây khó khăn hơn cho công tác quản lý, giám sát của các cơ quan quản lý.

Nhiều công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính tiềm ẩn nhiều rủi ro, hoạt động với quy mô nhỏ, không có hiệu quả đã và đang tác động ngày càng lớn đến an toàn hệ thống. Hầu hết các công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính thuộc sở hữu của các NHTM và tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước không có khả năng cạnh tranh huy động vốn và hoạt động chủ yếu phụ thuộc

vào nguồn vốn của ngân hàng mẹ hoặc công ty mẹ và các thành viên trong tập đoàn, tổng công ty.

Nguyên nhân của những yếu kém này xuất phát từ những yếu tố khách quan (kinh tế vĩ mô trong nước, ngoài nước kém ổn định, hệ thống doanh nghiệp nhiều yếu kém, khuôn khổ thể chế còn bất cập,...) và yếu tố chủ quan (năng lực quản trị, điều hành, tài chính, trình độ cán bộ và công nghệ nhiều hạn chế,...). Trong suốt thời gian dài vừa qua, Đảng và Chính phủ đã tạo điều kiện thuận lợi cho các TCTD ra đời và phát triển nhanh nhưng chất lượng, hiệu quả hoạt động của các TCTD chậm được cải thiện, nhiều yếu kém không được xử lý kịp thời, triệt để. Các TCTD hoạt động thiếu công khai, minh bạch. Nguyên tắc thị trường trong hoạt động ngân hàng không được đề cao. Khuôn khổ pháp lý chậm được đổi mới và hoàn thiện theo yêu cầu thực tiễn.

SỰ CẦN THIẾT PHẢI CƠ CẤU LẠI CÁC TCTD

Những yếu kém hiện nay của một bộ phận các TCTD không được xử lý kịp thời có thể tác động bất lợi đến ổn định kinh tế vĩ mô và hệ thống tài chính quốc gia. Quy mô dư nợ tín dụng và tài sản của hệ thống các TCTD đã vượt xa GDP làm cho hệ thống các TCTD dễ bị tổn thương từ những thay đổi bất lợi của nền kinh tế. Ngược lại, sự bất ổn của hệ thống các TCTD cũng sẽ tác động lớn đến sự ổn định kinh tế vĩ mô. Một hệ thống ngân hàng yếu kém không thể huy động và phân bổ một cách có hiệu quả các nguồn vốn trong nền kinh tế, đồng thời ảnh hưởng tiêu cực đến chính sách tiền tệ. Do đó, cơ cấu lại hệ thống các TCTD là yêu cầu cần thiết để lành mạnh hóa, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của các TCTD, từ đó góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, nâng cao hiệu quả đầu tư và tăng trưởng kinh tế bền vững. Để thực hiện mục tiêu Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015, Việt Nam cần phát triển một hệ

thống các TCTD có quy mô lớn hơn, chất lượng và hiệu quả hoạt động tốt hơn. Đồng thời, trong bối cảnh Việt Nam đang ngày mở cửa thị trường và hội nhập quốc tế sâu sắc thì hệ thống các TCTD cũng cần phải được củng cố và phát triển để có đủ khả năng tận dụng cơ hội phát triển mới và đối phó với những thách thức, cú sốc từ bên ngoài, chẳng hạn khủng hoảng, biến động bất lợi của thị trường tài chính - tiền tệ quốc tế. Chủ trương cơ cấu lại hệ thống các TCTD đặt ra hiện nay do yêu cầu khắc phục những tồn tại, yếu kém và đòi hỏi của nền kinh tế trong giai đoạn phát triển mới. Cơ cấu lại hay đổi mới liên tục hệ thống các TCTD nói riêng và nền kinh tế nói chung trong một nền kinh tế đang phát triển là yêu cầu thường xuyên để nhằm chủ động trong giải quyết các mâu thuẫn, tạo thêm xung lực mới cho phát triển, đồng thời đối phó có hiệu quả với những thách thức từ bên ngoài.

Quan điểm của Đảng và Chính phủ về cơ cấu lại hệ thống các TCTD là xuất phát từ thực tiễn khách quan của quy luật phát triển. Việt Nam không bị thúc ép phải cải cách, cơ cấu lại hệ thống tài chính, ngân hàng do bị rơi vào khủng hoảng như đã từng thấy ở nhiều nước trên thế giới và trong khu vực. Nói cách khác, chủ trương cơ cấu lại hệ thống các TCTD nhằm chủ động đáp ứng yêu cầu thực tiễn của đời sống kinh tế đang vận động và phát triển nhanh.

MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG CƠ CẤU LẠI CÁC TCTD

Mục tiêu tái cơ cấu hệ thống các TCTD lần này nhằm hướng tới đến năm 2020 phát triển được hệ thống các TCTD đa năng theo hướng hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả vững chắc với cấu trúc đa dạng. Về định hướng, hệ thống các TCTD sẽ được củng cố, phát triển phù hợp với đặc điểm và trình độ phát triển của nền kinh tế Việt Nam. Hệ thống các TCTD bao gồm các ngân hàng lớn, hoạt động lành mạnh đóng vai trò làm trụ cột trong hệ thống, có khả năng cạnh tranh trong khu vực, đồng thời có những ngân hàng vừa và nhỏ, TCTD phi ngân hàng nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu dịch vụ ngân hàng của mọi

tầng lớp trong xã hội. Nâng cao vai trò, vị trí chi phối, dẫn dắt thị trường của các TCTD Việt Nam, đặc biệt là bảo đảm các NHTMNN thật sự là lực lượng chủ lực, chủ đạo của hệ thống các TCTD, đồng thời có đủ năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế.

Theo đó, các TCTD Việt Nam sẽ được cơ cấu lại toàn diện về tài chính, hoạt động, quản trị và sở hữu bằng các hình thức, biện pháp và lộ trình thích hợp. Chính phủ kiên quyết không để xảy ra đổ vỡ và mất an toàn hoạt động ngân hàng ngoài tầm kiểm soát trong quá trình cơ cấu lại hệ thống các TCTD.

Kinh nghiệm của các nước cho thấy muốn cải cách nhanh, triệt để hệ thống ngân hàng thì Chính phủ phải đóng vai trò quyết định thông qua các biện pháp can thiệp về chính sách, nguồn lực tài chính, đồng thời phải khuyến khích được sự tham gia của khu vực tư nhân vào quá trình cơ cấu lại hệ thống ngân hàng. Cải cách bao giờ cũng kèm theo chi phí kinh tế. Để hệ thống ngân hàng phát triển an toàn, hiệu quả bền vững sau cơ cấu lại thì cơ cấu lại tài chính là quan trọng nhưng cơ cấu lại quản trị, hoạt động và kể cả khuôn khổ thể chế là yếu tố quyết định. Thông thường, thời điểm được coi là hợp lý để cải cách hệ thống tài chính - ngân hàng khi nền kinh tế có mức lạm phát tương đối thấp để tạo dư địa cho sự can thiệp mạnh mẽ của chính phủ và NHTW vào hệ thống tài chính - ngân hàng. Kế hoạch cơ cấu lại hệ thống các TCTD ở Việt Nam được tiến hành trong bối cảnh nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn.

THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

Về thuận lợi, cơ cấu lại hệ thống các TCTD được đặt trong chương trình tổng thể tái cơ cấu đầu tư và tái cơ cấu doanh nghiệp để thực hiện tái cấu trúc nền kinh tế. Mục đích cơ cấu lại các TCTD là vì lợi ích quốc gia, dân tộc chứ không vì lợi ích nhóm cục bộ. Do đó, cơ cấu lại hệ thống các TCTD nhận được sự quyết tâm và đồng thuận cao về mặt chính trị - xã hội. Các TCTD ý thức rõ ràng về sự cần thiết phải cơ cấu lại để hoạt động an toàn và hiệu quả hơn.

Trong vài năm tới, Việt Nam không bị quá câu thúc bởi mục tiêu tăng trưởng kinh tế để tập trung ổn định kinh tế vĩ mô, do đó áp lực tăng trưởng tín dụng của hệ thống các TCTD giảm bớt là phù hợp với đặc điểm của hệ thống ngân hàng thường có tốc độ tăng trưởng tín dụng chậm lại trong thời kỳ tái cấu trúc.

Về khó khăn, nền kinh tế đang chịu áp lực lạm phát cao và còn tồn tại những yếu tố có thể gây bất ổn vĩ mô. Nguồn lực của Chính phủ hạn chế do thâm hụt ngân sách lớn, nợ công đã ở mức cao và đang tăng nhanh. Các chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ tập trung kiềm chế lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô. Khuôn khổ pháp lý cho việc cơ cấu lại doanh nghiệp, tài chính, ngân hàng chưa hoàn chỉnh và đồng bộ, đặc biệt là vấn đề phá sản, quyền sở hữu tài sản và nghĩa vụ tài chính. Kinh tế, tài chính thế giới diễn biến không thuận lợi. Cuộc khủng hoảng nợ công ở Châu Âu có nguy cơ trở thành cuộc khủng hoảng tài chính tác động bất lợi đến hệ thống ngân hàng trong nước. Ngoài ra, tâm lý người dân không ổn định dễ phản ứng thái quá nếu không được định hướng đúng đắn và tuyên truyền đầy đủ về các chủ trương, chính sách về cơ cấu lại ngân hàng.

GIẢI PHÁP CƠ CẤU LẠI CÁC TCTD

Trong hoàn cảnh hiện nay của Việt Nam, yếu tố then chốt quyết định thành công của kế hoạch cơ cấu lại hệ thống các TCTD là sự lựa chọn khôn ngoan các giải pháp triển khai, huy động được sự tham gia của khu vực tư nhân, duy trì được lòng tin của nhân dân và tất nhiên phải bảo đảm vai trò chủ đạo, kiểm soát của Chính phủ trong toàn bộ tiến trình cơ cấu lại hệ thống các TCTD. Để thực hiện được các mục tiêu, định hướng nêu trên một số giải pháp dưới đây cần nghiên cứu áp dụng:

Thứ nhất, khuyến khích việc sáp nhập, hợp nhất, mua lại ngân hàng theo nguyên tắc tự nguyện, bảo đảm quyền lợi của người gửi tiền và các quyền, nghĩa vụ kinh tế của các bên có liên quan theo quy định của pháp luật. Để bảo

đảm an toàn, ổn định của hệ thống, một số TCTD có mức độ rủi ro, nguy cơ mất an toàn cao sẽ được áp dụng các biện pháp xử lý đặc biệt theo quy định của pháp luật. Luật NHNN và Luật Các TCTD (năm 2010) đã có những quy định cụ thể hơn về các biện pháp, quyền lực của NHNN, nghĩa vụ của TCTD trong cơ cấu lại, xử lý TCTD yếu kém. Về phương diện các TCTD, cơ cấu lại TCTD cũng là cơ hội thuận lợi để các TCTD tăng nhanh hơn về quy mô và nâng cao khả năng cạnh tranh.

Thứ hai, các TCTD cần được đánh giá, phân loại thành TCTD lành mạnh, TCTD thiếu thanh khoản tạm thời và TCTD yếu kém. Các TCTD lành mạnh được tạo điều kiện phát triển về quy mô và năng lực cạnh tranh trong nước, quốc tế. Các TCTD yếu kém, tiềm ẩn nguy cơ gây mất an toàn hệ thống cần được ưu tiên tái cơ cấu để trở lại thị trường hoạt động theo các chuẩn mực, quy định của pháp luật. Nếu TCTD yếu kém không thể phục hồi được thì phải được kiên quyết đưa ra khỏi thị trường một cách có trật tự để bảo đảm kỷ luật thị trường và sự lành mạnh, an toàn của hệ thống các TCTD. TCTD tạm thời thiếu thanh khoản sẽ được NHNN hỗ trợ để phục hồi, đồng thời phải chấn chỉnh, củng cố để hoạt động lành mạnh, an toàn hơn.

Thứ ba, trong quá trình cơ cấu lại hệ thống các TCTD, đặc biệt là xử lý những TCTD yếu kém, các NHTMNN và các NHTMCP lành mạnh sẽ là lực lượng chủ lực tham gia tích cực với sự hỗ trợ thích hợp của Chính phủ và NHNN về cơ chế, chính sách và nguồn lực để thực hiện. Đây cũng là đặc trưng riêng phản ánh tính hệ thống chặt chẽ của các TCTD. Tuy nhiên, điều đó không đồng nghĩa Chính phủ và NHNN “bao cấp” toàn bộ cho việc cơ cấu lại TCTD. Tổn thất và chi phí trong quá trình xử lý yếu kém của hệ thống các TCTD cần phải được chia sẻ hợp lý giữa các bên có liên quan theo quy định của pháp luật (Nhà nước, chủ sở hữu, nhà đầu tư và người gửi tiền). Trong đó, chủ sở hữu ngân hàng phải chịu trách nhiệm đầu tiên và cuối cùng về những

tổn thất xảy ra đối với TCTD và lợi ích của Nhà nước, tài sản của nhân dân phải được bảo vệ tốt nhất.

Thứ tư, thực hiện lành mạnh hóa tài chính với trọng tâm là xử lý nợ xấu, bảo đảm mức độ đủ vốn theo quy định của pháp luật và thay đổi cấu trúc của bảng cân đối kế toán theo hướng lành mạnh, bền vững hơn.

Thứ năm, củng cố, phát triển các hoạt động kinh doanh chính và giảm các lĩnh vực kinh doanh nhiều rủi ro, kém hiệu quả của TCTD. Tập trung tín dụng ngân hàng vào các ngành, lĩnh vực thuộc 3 khâu đột phá chiến lược trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020 và phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp phụ trợ, sản xuất - chế biến, doanh nghiệp nhỏ và vừa. Từng bước chuyển dịch mô hình kinh doanh của các NHTM theo hướng giảm bớt sự phụ thuộc vào hoạt động tín dụng và tăng nguồn thu nhập từ hoạt động dịch vụ phi tín dụng. Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng.

Thứ sáu, đổi mới hệ thống quản trị ngân hàng phù hợp hơn các thông lệ chuẩn mực quốc tế với trọng tâm là triển khai các hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với các nguyên tắc, chuẩn mực của Ủy ban Basel. Tăng tính minh bạch hóa hoạt động ngân hàng và tính đại chúng của các TCTD.

Các quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính quy mô nhỏ cần được củng cố, phát triển hợp lý để các tổ chức này hoạt động an toàn, hiệu quả và góp phần thực hiện chủ trương xóa đói, giảm nghèo bền vững, phát triển nông nghiệp, nông thôn mới và hạn chế tình trạng cho vay nặng lãi.

Bên cạnh các giải pháp nêu trên, Chính phủ và NHNN cần tiếp tục đổi mới và hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp lý về hoạt động ngân hàng, bao gồm chuẩn mực an toàn và quản trị rủi ro; quy định về cấp tín dụng; quy định về phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro phù hợp hơn với thông lệ, chuẩn mực quốc tế; quy định về cấp phép thành lập TCTD, mở và chấm dứt hoạt

động của các chi nhánh, điểm giao dịch của TCTD; hệ thống kế toán của các TCTD phù hợp hơn với chuẩn mực kế toán quốc tế. Tiếp tục tăng cường đổi mới và nâng cao hiệu quả thanh tra, giám sát ngân hàng cũng nên được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của NHNN trong thời gian tới.

Triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp củng cố, chấn chỉnh và cơ cấu lại các TCTD nêu trên, đến năm 2015 hệ thống các TCTD Việt Nam được lành mạnh hóa một bước quan trọng về tài chính và hoạt động, giảm bớt số lượng TCTD nhỏ, yếu kém và hình thành một số NHTM có quy mô lớn hơn, có khả năng cạnh tranh mạnh hơn, đặc biệt tăng cường được quy mô và vị trí chi phối của các NHTMNN trong hệ thống ngân hàng. Quá trình củng cố, chấn chỉnh, cơ cấu lại hệ thống các TCTD được tiến hành với chi phí thấp nhất, loại trừ nguy cơ đổ vỡ ngân hàng, bảo đảm giữ vững sự an toàn, ổn định của hệ thống, đồng thời không gây tác động tiêu cực đến sự ổn định kinh tế vĩ mô, an ninh chính trị và trật tự xã hội.